TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LÀO CAI** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 5 - 2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mã Thị Vui
Bà Vũ Thị Hòa

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Nga - Là thư ký của Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2023/TLST–HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023; quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐ-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bích T;
Địa chỉ: Tổ 09, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai- Vắng mặt và có đơn xin xét vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lê Quý S;
Địa chỉ: Thôn S, xã C, thành phố L, tỉnh Lào Cai- Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Bích T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Bích T và anh Lê Quý S kết hôn vào ngày 16/01/2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bắc Lệnh, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không

hợp, luôn bất đồng quan điểm sống và thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Cuộc sống gia đình kinh tế khó khăn, chị T phải đi làm thuê để nuôi con còn anh S thì không quan tâm đến vợ con, thường xuyên uống rượu bỏ bê vợ con, ngay từ lúc sau khi chị T sinh con anh S cũng không chu cấp được gì về kinh tế, thiếu sự tôn trọng nhau, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, mệt mỏi, mục đích hôn nhân không đạt được. Mâu thuẫn vợ chồng mặc dù đã được hàng xóm, bạn bè khuyên giải nhiều lần nhưng không thành. Chị T và anh S đã ly thân từ tháng 7/2015 đến nay, chị T sinh sống ở tổ 9, phường B còn anh S sinh sống ở thôn S, xã C, thành phố L, từ khi ly thân vợ chồng không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như về kinh tế. Nay, chị Trần Thị Bích T xét thấy tình cảm vợ, chồng giữa chị và anh S thực sự không còn hạnh phúc. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Quý S.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống chị Trần Thị Bích T và anh Lê Quý S có với nhau 01 người con chung là cháu Lê Tấn T, sinh ngày 13/12/2015. Nay ly hôn chị Trần Thị Bích T đề nghị Tòa án xem xét cho chị được quyền nuôi dưỡng cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, vì cháu ở với chị từ khi sinh ra đến nay và không yêu cầu anh Lê Quý S phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Nguyên đơn không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nhưng trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Lê Quý S trình bày:

Anh Lê Quý S thừa nhận các lời khai của chị Thủy về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn và nguyên nhân mẫu thuẫn vợ chồng xảy ra là đúng. Sau khi kết hôn anh, chị sống hạnh phúc đến tháng 7/2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, hai người không có tiếng nói chung, anh S không thường xuyên quan tâm, chăm sóc vợ con. Mặt khác do anh làm ăn kinh tế gặp nhiều khó khăn, nên anh cũng không đóng góp kinh tế để lo cho gia đình vợ, con dẫn đến hai người thường xuyên sảy ra đánh, cãi chửi nhau tình cảm vợ chồng rạn nứt không có hạnh phúc. Chị T và con đã về tổ 9, phường B sinh sống từ tháng 7/2015, còn anh Ssinh sống ở trang trại tại thôn S, xã C, thành phố L và hai người sống ly thân từ đó đến nay. Từ khi ly thân chị T một mình nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T, anh S không chu cấp tiền nuôi con hàng tháng cho chị T mà chỉ thỉnh thoảng có đến thăm và mua thực phẩm, đồ ăn cho con. Tuy vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh S xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh có nguyện vọng đề nghị Tòa án xem xét cho anh và chị Trần Thị Bích T được trở về đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc, nuôi dạy con chung.

Về quan hệ con chung: Anh Lê Quý S thừa nhận trong thời gian chung sống anh và chị T có với nhau 01 người con chung như chị T trình bày là đúng. Nếu vợ, chồng phải ly hôn, cháu có nguyện vợ ở với mẹ, anh S cũng nhất trí để chị T được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Lê Tấn T đến khi cháu đủ 18 tuổi, vì cháu đã ở với mẹ từ nhỏ. Anh Lê Quý S không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Bị đơn không đề nghị Tòa án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Bích T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lê Quý S vắng mặt lần thứ hai, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về pháp luật tranh chấp: Ngày 02/8/2023 chị Trần Thị Bích T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai giải quyết về việc ly hôn, nuôi con khi ly hôn với anh Lê Quý S; nơi cư trú: Thôn S, xã C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định mối quan hệ pháp luật, nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai giải quyết là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

[3] Nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Bích T và anh Lê Quý S kết hôn vào ngày 16/01/2015 hôn nhân do hai người tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Bắc Lệnh, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 7 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh S không quan tâm đến cuộc sống gia đình vợ, con dẫn đến vợ chồng sảy ra đánh, cãi chửi nhau, tình cảm vợ chồng rạn nứtkhông có hạnh phúc. Chị T đã làm đơn ly hôn và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh với anh Lê Quý S.

Tòa án xét thấy: Mâu thuẫn vợ, chồng giữa chị Trần Thị Bích T và anh Lê Quý S đã kéo dài, hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải ngày 28/3/2023 và ngày 10/4/2023 anh Lê Quý S đều thừa nhận: Nguyên nhân, mâu thuẫn vợ, chồng xảy ra như chị T trình bày là đúng. Khi hai người bước vào cuộc sống vợ, chồng do làm ăn kinh tế khó khăn nên anh S không quan tâm cũng như đóng góp kinh tế để lo cho gia đình vợ, con dẫn đến vợ chồng xảy ra sô xát, do nóng tính nên anh S có đánh chị T, tình cảm vợ chồng rạn nứt không có hạnh phúc. Chị T và con bỏ về sinh sống tại tổ 09, phường B, thành phố L, còn anh S sinh sống trong trang trại tại thôn S, xã C, thành phố L và vợ, chồng sống ly thân với nhau từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai cả về tình cảm và kinh tế, nên Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Bích T. Xử cho chị Trần Thị Bích T được ly hôn với anh Lê Quý S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về quan hệ con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 01 người con chung là cháu Lê Tấn T, sinh ngày 13/12/2015 hiện nay cháu đang ở cùng với chị T. Nguyên đơn có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Lê Tấn Tcho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh S phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu T. Bị đơn có ý kiến, do cháu T ở với mẹ từ nhỏ, nếu vợ chồng phải ly hôn và cháu T có nguyện vọng ở với chị T thì anh S cũng nhất trí để chị T là người nuôi dưỡng cháu Lê Tấn T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh S không cấp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét về điều kiện nuôi con của nguyên đơn: Chị Trần Thị Bích T hiện nay làm nhân viên tại Khách sạn Mường Thanh có mức thu nhập ổn định là 5.619.000đ (*Năm triệu sáu trăm mười chín nghìn đồng)*/ tháng. Chị Trần Thị Bích T có điều kiện để chăm sóc con, hơn nữa cháu Lê Tấn T cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ .Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho cháu, cũng như quyền nuôi con của cha, mẹ sau khi ly hôn. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của nguyên đơn chị Trần Thị Bích T và ý kiến bị đơn anh Lê Quý S: Giao cháu Lê Tấn T, sinh ngày 13/12/2015 cho chị Trần Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 – Luật Hôn nhân & gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơnkhông yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm a, điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Bích T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Bích T được ly hôn với anh Lê Quý S. Hôn nhân giữa chị Trần Thị Bích T và anh Lê Quý S chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Lê Tấn T, sinh ngày 13/12/2015 cho chị Trần Thị Bích T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu Lê Tấn Thành đủ 18 tuổi. Anh Lê Quý S không phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Lê Quý S có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Buộc chị Trần Thị Bích T phải chịu 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000106 ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Lào Cai; xác nhận chị Trần Thị Bích T đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn , bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hằng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai (1);
- VKSND TP. Lào Cai (2);
- Chi cục THADS TP. Lào Cai (1);
- UBND xã An Phụ, huyện Kinh Môn Tỉnh Hải Dương(1);
- Các đương sự (2);
- Lưu Văn phòng (1),

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hằng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai (1);
- VKSND TP. Lào Cai (2);
- Chi cục THADS TP. Lào Cai (1);
- UBND xã An Phụ, huyện Kinh Môn Tỉnh Hải Dương(1);
- Các đương sự (2);
- Lưu Văn phòng (1),

Nguyễn Thị Thúy Hằng